

Số: 714 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ văn bản số 2408/ĐLTKV-KH ngày 07/12/2023 của Tổng Công ty Điện lực – TKV về việc Tạm Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2071/QĐ-ĐN5 ngày 29/12/2023 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ quyết định số Quyết định số 552/QĐ-ĐN5 ngày 15/4/2024 về việc ban hành phương án kỹ thuật bảo dưỡng hệ thống PCCC Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2024;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật Tư tại Tờ trình ngày 20/5/2024 về việc Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024 với nội dung như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024;

2. Giá trị dự toán: **307.913.400 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm linh bảy triệu chín trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng). Giá trên đã bao gồm các khoản thuế,

phí lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục đính kèm

3. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

- Tên gói: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Điểm m, Khoản 4, Điều 8, Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024.

- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Quý II năm 2024.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tiến độ thực hiện 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

- Địa điểm thực hiện: Trụ sở Văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và Nhà máy Thủy điện Đồng Nai, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Nội dung yêu cầu của gói cung cấp như Hồ sơ đề xuất kèm theo.

Điều 2. Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt là căn cứ để tổ chức lựa chọn nhà cung cấp và các công tác khác có liên quan.

Điều 3. Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ chuyên gia, tổ chức thực hiện lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng KTAT thực hiện giám sát, nghiệm thu công tác bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024 của nhà cung cấp thực hiện gói cung cấp dịch vụ nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KTAT, KHĐT-VT, (D03).



Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1. BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN
Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy
điện Đồng Nai 5 năm 2024
(Kèm theo Quyết định số 714 /QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 5 năm 2024)

STT	Tên công việc	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền sau thuế	Ghi chú
1	Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024	285.105.000	22.808.400	307.913.400	Phụ lục 1.1
	Tổng cộng	285.105.000	22.808.400	307.913.400	

(Bằng chữ: Ba trăm linh bảy triệu chín trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng).

PHỤ LỤC 2. BẢNG DỰ TOÁN ĐƠN GIÁ CHI TIẾT

Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024
(Kèm theo tờ trình ngày 11 tháng 5 năm 2024 của Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư)

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Trụ sở văn phòng Công ty					
1	Bảo dưỡng bơm điện P = 25HP	Cái	1	2.000.000	2.000.000	
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q=113m ³ , h=50m.	Cái	1	3.000.000	3.000.000	
3	Bảo dưỡng bơm điện bù áp P = 6HP	Cái	1	1.500.000	1.500.000	
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1	1.500.000	1.500.000	
5	Bảo dưỡng rọ hút DN150	Cái	2	1.500.000	3.000.000	
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	Cái	1	1.250.000	1.250.000	
7	Bảo dưỡng van chặn DN150	Cái	3	125.000	375.000	
8	Bảo dưỡng van chặn DN100	Cái	2	95.000	190.000	
9	Bảo dưỡng van chặn DN65	Cái	1	45.000	45.000	
10	Bảo dưỡng van chặn DN50	Cái	1	35.000	35.000	
11	Bảo dưỡng Y lọc DN150	Cái	2	125.000	250.000	
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	Cái	1	45.000	45.000	
13	Bảo dưỡng chống rung DN150	Cái	2	125.000	250.000	
14	Bảo dưỡng chống rung DN100	Cái	2	95.000	190.000	
15	Bảo dưỡng chống rung DN65	Cái	1	45.000	45.000	
16	Bảo dưỡng chống rung DN50	Cái	1	35.000	35.000	
17	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	Cái	1	95.000	95.000	
18	Bảo dưỡng van 1 chiều DN50	Cái	1	35.000	35.000	
19	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1	1.000.000	1.000.000	
20	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	2	160.000	320.000	
21	Bảo dưỡng hòng vách tường	Cái	8	130.000	1.040.000	
22	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 20 kênh	Tủ	1	3.500.000	3.500.000	
23	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	Cái	8	450.000	3.600.000	
24	Bảo dưỡng đầu báo khói	Cái	54	150.000	8.100.000	
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	23	80.000	1.840.000	
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	23	80.000	1.840.000	
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	22	60.000	1.320.000	

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	15	60.000	900.000	
II	Khu vực nhà máy					
1	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy CO2 tại 02 máy phát	ht	1	75.000.000	75.000.000	
2	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy FM200 tại phòng điều hành trung tâm	ht	1	40.000.000	40.000.000	
3	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	trụ	5	160.000	800.000	
4	Bảo dưỡng tủ, họng nước chữa cháy trong nhà	tủ	17	240.000	4.080.000	
5	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	4	130.000	520.000	
6	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy tự động	Tủ	1	3.500.000	3.500.000	
7	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	50	150.000	7.500.000	
8	Bảo dưỡng đầu báo nhiệt	cái	9	150.000	1.350.000	
9	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	2	1.750.000	3.500.000	
10	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	12	450.000	5.400.000	
11	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	44	80.000	3.520.000	
12	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	31	80.000	2.480.000	
13	Bảo dưỡng bơm điện số 1, P = 90HP	cái	1	2.000.000	2.000.000	
14	Bảo dưỡng bơm điện số 2, P = 90HP	cái	1	2.000.000	2.000.000	
15	Bảo dưỡng bơm điện bù áp, P = 10HP	cái	1	1.500.000	1.500.000	
16	Bảo dưỡng bơm chữa cháy di động Q=700l/p, h = 40m.	cái	1	1.500.000	1.500.000	
17	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1	1.500.000	1.500.000	
18	Bảo dưỡng bình tích áp	Bình	1	500.000	500.000	
19	Bảo dưỡng rọ hút DN150	cái	2	1.500.000	3.000.000	
20	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2	1.250.000	2.500.000	
21	Bảo dưỡng van chặn DN150	cái	3	125.000	375.000	
22	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3	95.000	285.000	
23	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1	45.000	45.000	
24	Bảo dưỡng van chặn DN50	cái	1	35.000	35.000	
25	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2	95.000	190.000	
26	Bảo dưỡng van 1 chiều DN40	cái	1	35.000	35.000	
27	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1	1.000.000	1.000.000	
28	Bảo dưỡng Y lọc DN150	cái	2	125.000	250.000	
29	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1	45.000	45.000	
30	Bảo dưỡng chống rung DN150	cái	4	125.000	500.000	

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
31	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4	95.000	380.000	
32	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1	45.000	45.000	
33	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1	35.000	35.000	
34	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy tự động máy biến áp	ht	2	15.000.000	30.000.000	
35	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZ4	Bình	21	60.000	2.520.000	2 lần/năm
36	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	38	60.000	4.560.000	
37	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	26	60.000	3.120.000	2 lần/năm
38	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT24	Bình	4	85.000	680.000	2 lần/năm
III	Khu kho vật tư					
1	Bảo dưỡng bơm điện P=40HP	cái	1	1.500.000	1.500.000	
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q=45 m3,h = 60m.	cái	1	1.500.000	1.500.000	
3	Bảo dưỡng bơm bù áp: P=3HP	cái	1	1.500.000	1.500.000	
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	cái	1	1.500.000	1.500.000	
5	Bảo dưỡng rọ hút DN100	cái	2	1.400.000	2.800.000	
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2	1.250.000	2.500.000	
7	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3	95.000	285.000	
8	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1	45.000	45.000	
9	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2	95.000	190.000	
10	Bảo dưỡng van 1 chiều DN65	cái	2	45.000	90.000	
11	Bảo dưỡng Y lọc DN100	cái	2	95.000	190.000	
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1	45.000	45.000	
13	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4	95.000	380.000	
14	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1	45.000	45.000	
15	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1	35.000	35.000	
16	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	1	160.000	160.000	
17	Bảo dưỡng trụ tiếp nước chữa cháy	Trụ	1	160.000	160.000	
18	Bảo dưỡng hòng vách tường	Cái	11	130.000	1.430.000	
19	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 10 kênh	Tủ	1	2.500.000	2.500.000	
20	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	18	175.000	3.150.000	
21	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	4	1.750.000	7.000.000	
23	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	35	150.000	5.250.000	
24	Bảo dưỡng đèn báo phòng	cái	4	25.000	100.000	

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	18	80.000	1.440.000	
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm	cái	16	80.000	1.280.000	
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	27	60.000	3.240.000	2 lần/năm
28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	27	60.000	3.240.000	2 lần/năm
Tổng trước thuế					285.105.000	
Thuế VAT 8%					22.808.400	
Tổng sau thuế					307.913.400	

(Bằng chữ: Ba trăm linh bảy triệu chín trăm mười ba nghìn bốn trăm đồng chẵn).

PHỤ LỤC 3

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

(Kèm theo Tờ trình ngày / /2024 của Phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

Mục 3: Các yêu cầu về thương mại

Mục 4: Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong HS đề xuất

Mục 5: Nội dung HS đề xuất

Mục 6: Thời hạn hiệu lực của HS đề xuất

Mục 7: Nộp, tiếp nhận, mở HS đề xuất

Mục 8: Làm rõ HS đề xuất

Mục 9: Đánh giá HS đề xuất

Mục 10: Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Mục 11: Hợp đồng

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Chương III. BIỂU MẪU

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024.
 2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024;
 3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tiến độ thực hiện 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
 4. Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Địa điểm thực hiện: Trụ sở Văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và Nhà máy Thủy điện Đồng Nai, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
5. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Ban sao có chứng thực);
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.
 - Có ít nhất 01 hồ sơ hợp đồng tương tự: Hợp đồng bảo dưỡng hệ thống chữa cháy; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Bảng giá trị đề nghị thanh toán.

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện: Trụ sở Văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và Nhà máy Thủy điện Đồng Nai, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chơoxeng III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước 13 giờ 30 phút ngày 27 tháng 5 năm 2024, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường

Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn 16 giờ 30 phút ngày tháng năm 2024. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Trường hợp nộp qua email: Hồ sơ đề xuất tổng hợp vào 01 Folder gửi đồng thời 2 địa chỉ Email: vanthudn5.2012@gmail.com và tochuyengiadn5@gmail.com. không muộn hơn 16 giờ 30 phút ngày 27 tháng 5 năm 2024.

3. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

4. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu

về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Tên gói: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

Nội dung công việc và khối lượng thực hiện theo bảng danh mục sau:

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Trụ sở văn phòng Công ty					
1	Bảo dưỡng bơm điện P = 25HP	Cái	1			
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q=113m ³ , h=50m.	Cái	1			
3	Bảo dưỡng bơm điện bù áp P = 6HP	Cái	1			
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1			
5	Bảo dưỡng rọ hút DN150	Cái	2			
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	Cái	1			
7	Bảo dưỡng van chặn DN150	Cái	3			
8	Bảo dưỡng van chặn DN100	Cái	2			
9	Bảo dưỡng van chặn DN65	Cái	1			
10	Bảo dưỡng van chặn DN50	Cái	1			
11	Bảo dưỡng Y lọc DN150	Cái	2			
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	Cái	1			
13	Bảo dưỡng chống rung DN150	Cái	2			
14	Bảo dưỡng chống rung DN100	Cái	2			
15	Bảo dưỡng chống rung DN65	Cái	1			
16	Bảo dưỡng chống rung DN50	Cái	1			
17	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	Cái	1			
18	Bảo dưỡng van 1 chiều DN50	Cái	1			
19	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1			
20	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	2			
21	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	8			
22	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 20 kênh	Tủ	1			
23	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	Cái	8			
24	Bảo dưỡng đầu báo khói	Cái	54			
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	23			
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	23			
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	22			

28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	15			
II	Khu vực nhà máy					
1	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy CO2 tại 02 máy phát	ht	1			
2	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy FM200 tại phòng điều hành trung tâm	ht	1			
3	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	trụ	5			
4	Bảo dưỡng tủ, họng nước chữa cháy trong nhà	tủ	17			
5	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	4			
6	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy tự động	Tủ	1			
7	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	50			
8	Bảo dưỡng đầu báo nhiệt	cái	9			
9	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	2			
10	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	12			
11	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	44			
12	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	31			
13	Bảo dưỡng bơm điện số 1, P = 90HP	cái	1			
14	Bảo dưỡng bơm điện số 2, P = 90HP	cái	1			
15	Bảo dưỡng bơm điện bù áp, P = 10HP	cái	1			
16	Bảo dưỡng bơm chữa cháy di động Q=700l/p, h = 40m.	cái	1			
17	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1			
18	Bảo dưỡng bình tích áp	Bình	1			
19	Bảo dưỡng rọ hút DN150	cái	2			
20	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2			
21	Bảo dưỡng van chặn DN150	cái	3			
22	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3			
23	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1			
24	Bảo dưỡng van chặn DN50	cái	1			
25	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2			
26	Bảo dưỡng van 1 chiều DN40	cái	1			
27	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1			
28	Bảo dưỡng Y lọc DN150	cái	2			
29	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1			
30	Bảo dưỡng chống rung DN150	cái	4			

31	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4			
32	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1			
33	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1			
34	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy tự động máy biến áp	ht	2			
35	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZ4	Bình	21			
36	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	38			
37	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	26			
38	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT24	Bình	4			
III	Khu kho vật tư					
1	Bảo dưỡng bơm điện P=40HP	cái	1			
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q =45 m ³ ,h = 60m.	cái	1			
3	Bảo dưỡng bơm bù áp: P=3HP	cái	1			
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	cái	1			
5	Bảo dưỡng rọ hút DN100	cái	2			
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2			
7	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3			
8	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1			
9	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2			
10	Bảo dưỡng van 1 chiều DN65	cái	2			
11	Bảo dưỡng Y lọc DN100	cái	2			
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1			
13	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4			
14	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1			
15	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1			
16	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	1			
17	Bảo dưỡng trụ tiếp nước chữa cháy	Trụ	1			
18	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	11			
19	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 10 kênh	Tủ	1			
20	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	18			
21	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	4			
23	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	35			
24	Bảo dưỡng đèn báo phòng	cái	4			
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	18			
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm	cái	16			
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	27			
28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	27			

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]*

Tên gói dịch vụ: *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ *[Ghi tên gói dịch vụ]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp]*.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA DỊCH VỤ

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên dịch vụ: [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Trụ sở văn phòng Công ty					
1	Bảo dưỡng bơm điện P = 25HP	Cái	1			
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q=113m ³ , h=50m.	Cái	1			
3	Bảo dưỡng bơm điện bù áp P = 6HP	Cái	1			
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1			
5	Bảo dưỡng rọ hút DN150	Cái	2			
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	Cái	1			
7	Bảo dưỡng van chặn DN150	Cái	3			
8	Bảo dưỡng van chặn DN100	Cái	2			
9	Bảo dưỡng van chặn DN65	Cái	1			
10	Bảo dưỡng van chặn DN50	Cái	1			
11	Bảo dưỡng Y lọc DN150	Cái	2			
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	Cái	1			
13	Bảo dưỡng chống rung DN150	Cái	2			
14	Bảo dưỡng chống rung DN100	Cái	2			
15	Bảo dưỡng chống rung DN65	Cái	1			
16	Bảo dưỡng chống rung DN50	Cái	1			
17	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	Cái	1			
18	Bảo dưỡng van 1 chiều DN50	Cái	1			
19	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1			
20	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	2			
21	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	8			
22	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 20 kênh	Tủ	1			
23	Bảo dưỡng nút ấn, đèn,	Cái	8			

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	chuông báo cháy					
24	Bảo dưỡng đầu báo khói	Cái	54			
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	23			
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	23			
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	22			
28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	15			
II	Khu vực nhà máy					
1	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy CO2 tại 02 máy phát	ht	1			
2	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy FM200 tại phòng điều hành trung tâm	ht	1			
3	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	trụ	5			
4	Bảo dưỡng tủ, họng nước chữa cháy trong nhà	tủ	17			
5	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	4			
6	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy tự động	Tủ	1			
7	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	50			
8	Bảo dưỡng đầu báo nhiệt	cái	9			
9	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	2			
10	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	12			
11	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	44			
12	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	31			
13	Bảo dưỡng bơm điện số 1, P = 90HP	cái	1			
14	Bảo dưỡng bơm điện số 2, P = 90HP	cái	1			
15	Bảo dưỡng bơm điện bù áp, P = 10HP	cái	1			
16	Bảo dưỡng bơm chữa cháy di động Q=700l/p, h = 40m.	cái	1			
17	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1			

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
18	Bảo dưỡng bình tích áp	Bình	1			
19	Bảo dưỡng rọ hút DN150	cái	2			
20	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2			
21	Bảo dưỡng van chặn DN150	cái	3			
22	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3			
23	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1			
24	Bảo dưỡng van chặn DN50	cái	1			
25	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2			
26	Bảo dưỡng van 1 chiều DN40	cái	1			
27	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1			
28	Bảo dưỡng Y lọc DN150	cái	2			
29	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1			
30	Bảo dưỡng chống rung DN150	cái	4			
31	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4			
32	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1			
33	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1			
34	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy tự động máy biến áp	ht	2			
35	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZ4	Bình	21			
36	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	38			
37	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	26			
38	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT24	Bình	4			
III	Khu kho vật tư					
1	Bảo dưỡng bơm điện P=40HP	cái	1			
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q=45 m ³ , h=60m.	cái	1			
3	Bảo dưỡng bơm bù áp: P=3HP	cái	1			
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	cái	1			

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
5	Bảo dưỡng rọ hút DN100	cái	2			
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2			
7	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3			
8	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1			
9	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2			
10	Bảo dưỡng van 1 chiều DN65	cái	2			
11	Bảo dưỡng Y lọc DN100	cái	2			
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1			
13	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4			
14	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1			
15	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1			
16	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	1			
17	Bảo dưỡng trụ tiếp nước chữa cháy	Trụ	1			
18	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	11			
19	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 10 kênh	Tủ	1			
20	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	18			
21	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	4			
23	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	35			
24	Bảo dưỡng đèn báo phòng	cái	4			
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	18			
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm	cái	16			
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	27			
28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	27			
Tổng cộng giá chưa có thuế						
Thuế VAT						
Tổng cộng giá trị sau thuế						

(Bảng chữ:.....)

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:

2. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:

3. Thanh toán:

4. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

Mẫu số 05

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2024/HĐSXKD-ĐN5

V/v Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024

Căn cứ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐN5 ngày / /2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp và Hồ sơ yêu cầu gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng đã được bên mời thầu và bên nhà cung cấp ký ngày tháng năm 2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày tháng năm 2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024;

Căn cứ nhu cầu của của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, P1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Địa chỉ: Số 10 Hoàng Văn Thụ, phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

Điện thoại: 0263 3 976888; Fax: 0263 3 974888;

Tài khoản: 1020831973 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN Bảo Lộc, Lâm Đồng;

Mã số thuế: 0104297034-007;

Đại diện là ông: **Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc.

BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY HÀ THÀNH

Đại diện là Ông: **Đào Xuân Khiêm** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 8, Tổ 4, Ngõ 145, Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Mã số thuế: 0103255225

Điện thoại: 0435500682

Tài khoản: 104499479, tại Ngân Hàng TMCP Á Châu, PGĐ Định Công, TP Hà Nội.

Hai bên thỏa thuận và đồng ý ký kết hợp đồng gói: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024 với các điều khoản sau:

Điều 1: Phạm vi công việc

Bên A giao cho Bên B thực hiện công tác: Bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty thủy điện Đồng Nai 5 năm 2024. *Chi tiết khối lượng như Phụ lục kèm theo.*

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng bao gồm cả phụ lục kèm theo;
2. Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp.

Điều 3. Trách nhiệm của các bên.**Trách nhiệm của Bên A**

- Cử cán bộ giám sát và kiểm tra trong suốt quá trình thi công do Bên B thực hiện;
- Bên A được quyền từ chối nghiệm thu khi công việc Bên B thực hiện không đạt yêu cầu quy định của hợp đồng.
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B :
 - + Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.
 - + Chậm tiến độ hoàn thành việc thi công theo hợp đồng.
 - + Giao cho Nhà cung cấp phụ dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện toàn bộ công việc của hợp đồng này mà không được sự chấp thuận của Bên A.
- Trong mỗi trường hợp trên Bên A có thể bằng cách thông báo cho nhà cung cấp trước 2 ngày và chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng hai bên làm biên bản thanh lý.
- Cung cấp các thông tin tài liệu liên quan đến công việc để Bên B thực hiện theo hợp đồng.
- Bàn giao mặt bằng cho Bên B thực hiện.
- Đình chỉ thi công nếu xét thấy không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. An toàn lao động.
- Kiểm tra chất lượng đột xuất công việc của Bên B khi xét thấy một số vấn đề có ảnh hưởng đến công việc thi công.
- Yêu cầu Bên B phải sử dụng thiết bị. Máy móc đạt chuẩn theo pháp luật hiện hành.
- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại **Điều 4** của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.
- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Trách nhiệm của Bên B

- Bên B có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo dưỡng theo đúng thời gian theo hợp đồng.
- Bên B có nghĩa vụ trang bị dụng cụ bảo hộ lao động và chi trả phí bảo hiểm tai nạn lao động cho công nhân làm việc theo quy định của pháp luật. Công nhân khi thi công yêu cầu phải thực hiện nghiêm túc về trang bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, dây, ủng...).

- Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Bồi thường thiệt hại cho Bên A và Bên thứ ba có liên quan do vi phạm của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trong mọi trường hợp Bên B vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường, khắc phục cho tất cả vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng của Bên B. Trường hợp Bên B từ chối bồi thường hoặc khắc phục vi phạm không đặt yêu cầu thì Bên A có quyền tự làm hoặc thuê bên thứ ba thực hiện công việc đó chi phí này do Bên B chi trả. Trường hợp Bên B từ chối chi trả những chi phí này. Bên A có quyền thu giữ và thanh lý toàn bộ Vật tư, máy móc thiết bị của Bên B mang vào thi công để bù trừ vào khoản tiền Bên B phải bồi hoàn.

- Giữ bí mật thông tin và toàn bộ tài liệu liên quan đến hợp đồng theo quy định của pháp luật có liên quan đến bảo mật thông tin.

- Thông báo kịp thời cho Bên A về những thông tin tài liệu không đầy đủ phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng có thể làm chậm trễ, cản trở đến công việc....

- Cung cấp nhân sự đạt những điều kiện về Năng lực theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Bên B phải cam kết giải quyết triệt để mọi rủi ro pháp lý và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên A.

- Bên B cam kết tiến hành công việc theo đúng khối lượng và thời gian trong hợp đồng, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về công tác thi công trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn đối với con người và thiết bị của bên B.

- Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

4.1. Giá hợp đồng: (Bằng chữ: . Giá đã bao gồm các khoản thuế phí. Dịch vụ bảo dưỡng thực hiện tại Văn phòng Công Ty Thủy Điện Đồng Nai 5, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng và Nhà Máy Thủy Điện Đồng Nai 5, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Chi tiết phụ lục đính kèm.

4.2. Tạm ứng: Không tạm ứng nhưng Bên B vẫn đảm bảo thời gian và chất lượng công việc thi công theo hợp đồng.

4.3. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

b) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ 05 bộ chứng từ, hồ sơ thanh toán.

c) Số lần thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên B cung cấp cho bên A các giấy tờ sau:

+ Đề nghị thanh toán của Bên B.

+ Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán.

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán.

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và đưa vào sử dụng.

+ Hợp đồng photo.

+ Hóa đơn theo qui định của Bộ Tài chính cho toàn bộ giá trị hàng hóa d. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 5. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tiến độ thực hiện 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

+ Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài hơn 30 ngày thì các bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.

+ Trường hợp vì lý do chủ quan mà bên B chậm quá thời gian thực hiện theo hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng quy định tại Điều 14 của hợp đồng này.

- Địa điểm thực hiện: Văn Phòng Công ty Thủy Điện Đồng Nai 5-TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP Bảo, tỉnh Lâm Đồng và Tại Nhà Máy Thủy Điện Đồng Nai 5, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng.

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Có phát sinh các vấn đề về thời gian thực hiện hợp đồng, khối lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa hoặc các vấn đề khác liên quan.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục Vật tư ngoài phạm vi hợp đồng Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải cung cấp các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia

hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 10. Điều kiện cung cấp, vận chuyển hàng hóa

Bên B cung cấp hàng hóa cho Bên A đúng thông số kỹ thuật, phải là hàng mới 100 %, chưa qua sử dụng.

- Các tài liệu kỹ thuật, các chứng từ kèm theo hàng hóa: Tại thời điểm giao nhận hàng hóa thì bên B phải tiến hành cung cấp cùng thời điểm giao hàng (hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn kỹ thuật...).

- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Sau khi kiểm tra hàng hóa tại thời điểm giao nhận, nếu trường hợp hàng hóa bị khuyết tật, bị lỗi, hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

Điều 11. Bảo quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 12. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên kia.

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp Bên B vi phạm thời gian chậm cấp hàng và lắp đặt thực hiện theo hợp đồng do lỗi chủ quan thì Bên B sẽ chịu phạt 4% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi 02 ngày chậm (kể từ ngày thứ nhất sau ngày hết hạn hợp đồng). Nhưng số lần vi phạm không quá 02 lần, tổng số ngày chậm không quá 4 ngày, tổng số tiền phạt vi phạm không vượt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay trong hạn (phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm.

- Sau khi hợp đồng có hiệu lực nếu một bên vi phạm hợp đồng thì bên tuân thủ hợp đồng có quyền đòi bên vi phạm hợp đồng bồi thường tất cả các tổn thất bao gồm các chi phí như:

- + Chi phí kiện tụng.
- + Chi phí đi lại.
- + Chi phí luật sư.
- + Chi phí giám định.
- + Chi phí khác (Nếu có).

c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thường: Không áp dụng.

Điều 13. Bất khả kháng.

“Bất khả kháng” là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch;

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, Nhà Cung cấp hàng hóa theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại **Điều 14** của hợp đồng này.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại nơi Bên A lưu trú. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc giữa hai bên. Chi phí xét xử và các chi phí khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu hoàn toàn.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký.

Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ, thanh toán, trách nhiệm theo các điều khoản nêu trên không vướng mắc thì Hợp đồng sẽ tự thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 07 bản, Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

Đào Xuân Khiêm

PHỤ LỤC
(Kèm theo hợp đồng số/2024/HĐSXKD-ĐN5)

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Trụ sở văn phòng Công ty					
1	Bảo dưỡng bơm điện P = 25HP	Cái	1			
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q=113m ³ , h=50m.	Cái	1			
3	Bảo dưỡng bơm điện bù áp P = 6HP	Cái	1			
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1			
5	Bảo dưỡng rọ hút DN150	Cái	2			
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	Cái	1			
7	Bảo dưỡng van chặn DN150	Cái	3			
8	Bảo dưỡng van chặn DN100	Cái	2			
9	Bảo dưỡng van chặn DN65	Cái	1			
10	Bảo dưỡng van chặn DN50	Cái	1			
11	Bảo dưỡng Y lọc DN150	Cái	2			
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	Cái	1			
13	Bảo dưỡng chống rung DN150	Cái	2			
14	Bảo dưỡng chống rung DN100	Cái	2			
15	Bảo dưỡng chống rung DN65	Cái	1			
16	Bảo dưỡng chống rung DN50	Cái	1			
17	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	Cái	1			
18	Bảo dưỡng van 1 chiều DN50	Cái	1			
19	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1			
20	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	2			
21	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	8			
22	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 20 kênh	Tủ	1			
23	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	Cái	8			
24	Bảo dưỡng đầu báo khói	Cái	54			
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	23			

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	23			
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	22			
28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	15			
II	Khu vực nhà máy					
1	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy CO2 tại 02 máy phát	ht	1			
2	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy FM200 tại phòng điều hành trung tâm	ht	1			
3	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	trụ	5			
4	Bảo dưỡng tủ, họng nước chữa cháy trong nhà	tủ	17			
5	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	4			
6	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy tự động	Tủ	1			
7	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	50			
8	Bảo dưỡng đầu báo nhiệt	cái	9			
9	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	2			
10	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	12			
11	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	44			
12	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	31			
13	Bảo dưỡng bơm điện số 1, P = 90HP	cái	1			
14	Bảo dưỡng bơm điện số 2, P = 90HP	cái	1			
15	Bảo dưỡng bơm điện bù áp, P = 10HP	cái	1			
16	Bảo dưỡng bơm chữa cháy di động Q=700l/p, h = 40m.	cái	1			
17	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1			
18	Bảo dưỡng bình tích áp	Bình	1			
19	Bảo dưỡng rọ hút DN150	cái	2			
20	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2			
21	Bảo dưỡng van chặn DN150	cái	3			
22	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3			
23	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1			
24	Bảo dưỡng van chặn DN50	cái	1			

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
25	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2			
26	Bảo dưỡng van 1 chiều DN40	cái	1			
27	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1			
28	Bảo dưỡng Y lọc DN150	cái	2			
29	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1			
30	Bảo dưỡng chống rung DN150	cái	4			
31	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4			
32	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1			
33	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1			
34	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy tự động máy biến áp	ht	2			
35	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZ4	Bình	21			
36	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	38			
37	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	26			
38	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT24	Bình	4			
III	Khu kho vật tư					
1	Bảo dưỡng bơm điện P=40HP	cái	1			
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q =45 m3,h = 60m.	cái	1			
3	Bảo dưỡng bơm bù áp: P=3HP	cái	1			
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	cái	1			
5	Bảo dưỡng rọ hút DN100	cái	2			
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2			
7	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3			
8	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1			
9	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2			
10	Bảo dưỡng van 1 chiều DN65	cái	2			
11	Bảo dưỡng Y lọc DN100	cái	2			
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1			
13	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4			
14	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1			

STT	Nội dung công việc thực hiện	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
15	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1			
16	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	1			
17	Bảo dưỡng trụ tiếp nước chữa cháy	Trụ	1			
18	Bảo dưỡng họng vách tường	Cái	11			
19	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 10 kênh	Tủ	1			
20	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	18			
21	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	4			
23	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	35			
24	Bảo dưỡng đèn báo phòng	cái	4			
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	18			
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm	cái	16			
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	27			
28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	27			
Tổng trước thuế						
Thuế VAT 8%						
Tổng sau thuế						

(Bằng chữ: đồng).